TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 22

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Hỗn số 75 8/10 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 750,8 **B.** 76,8 **C.** 75,8 **D.** 75,08

Câu 2. Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 29,64 **B.** 29,74 **C.** 29,63 **D.** 29,9

Câu 3. Có 31,8 l nước mắm rót đều vào 5 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 6,46 l **B.** 63,6 l **C.** 6,36 l **D.** 26,8 l

Câu 4. 7,134 × 100 = ……

A. 0,7134 **B.** 71,34 **C.** 713,4 **D.** 7134

Câu 5. 9 m² 34 dm² = …… m²

A. 9,034 **B.** 9,34 **C.** 12,4 **D.** 934

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 14 cm, chiều cao 14 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 196 cm² **B.** 56 cm² **C.** 28 cm² **D.** 98 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 44,54 …… 44,64

b) 8,7 …… 8,70

c) 5 tấn 50 kg …… 5,05 tấn

d) 5 ha …… 500 000 m²

Bài 2. Cho các số thập phân: 25,084; 25,9; 25,5; 25,61; 25,872.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 8,29 × 4 = ……

b) 10,04 × 7,7 + 10,04 × 2,3 = ……

c) 39,2 + 44,9 + 3,8 + 1,1 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

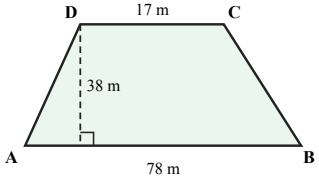
a) 5 m 6 cm = …… m

b) 9 kg 56 g = …… kg

c) 9 km² = …… ha

d) 4100 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 78 m, đáy bé DC = 17 m, chiều cao 38 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 1,5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 4 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 65 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 22

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	C	C	B	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 44,54 < 44,64

b) 8,7 = 8,70

c) 5 tấn 50 kg = 5,05 tấn

d) 5 ha < 500 000 m²

Bài 2.

Xếp từ bé đến lớn: 25,084 < 25,5 < 25,61 < 25,872 < 25,9

a) 25,084

b) 25,9

c) 25,61

d) 25,9 + 25,084 = 50,984

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 8,29 = 10 × 8,29 = 82,9

b) 10,04 × (7,7 + 2,3) = 10,04 × 10 = 100,4

c) (39,2 + 3,8) + (44,9 + 1,1) = 43 + 46 = 89

Bài 4.

a) 5,06

b) 9,056

c) 900

d) 0,41

Bài 5.

Diện tích: (78 + 17) × 38 : 2 = 1805 (m²)

Số thóc: 1805 × 1,5 = 2707,5 (kg)

Bài 6.

Số vải: 2,9 × 4 = 11,6 (m)

Số tiền: 65 000 × 11,6 = 754 000 (đồng)